| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN GÒ DẦU**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 81/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2019
*V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Cương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Thái Bình

2. Ông Hồ Huy Cường

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa***: Ông Võ Văn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 327/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thanh N, sinh năm 2000

Địa chỉ: Tổ 1, ấp 2, xã B, huyện G, tỉnh T

- *Bị đơn*: Anh Đặng Thanh S, sinh năm: 1998

Địa chỉ: Tổ 3, ấp 4, xã B, huyện G, tỉnh T.

Chị N và anh S đều vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 06-5-2019, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Đỗ Thanh N trình bày:*

*Về hôn nhân*: Chị và anh Đặng Thanh S chung sống với nhau từ tháng 8-2018, có quan tìm hiểu trước, hôn nhân tự nguyện. Chị và anh S không có tổ chức lễ cưới do chị đã có thai với anh S trước khi về chung sống, nhưng chị và anh S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh T.

Do thời gian tìm hiểu không được lâu nên chị và anh S chưa hiểu rỏ về

tính tình cũng như quan điểm sống của nhau. Nên từ khi về chung sống, chị và anh S thường xuyên cải nhau về những chuyện nhỏ nhặt hằng ngày và chị nhận ra tình cảm chị dành cho anh S không nhiều do đó ngay từ khi vừa về sống chung chị đã không muốn tiếp tục chung sống với anh S. Sau khi chị sinh con, tình cảm giữa vợ chồng ngày càng giảm sút, anh S không phụ giúp chị việc chăm sóc cho con, tính tình hời hợt nên chị và anh S thường xuyên cải nhau, không ai nhường nhịn ai. Ngày 21-4-2019 chị bế con về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng cũng ly thân từ đó cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị với anh S không còn, mục đích hôn nhân không đặt được nên chị xin ly hôn với anh S.

*Về nuôi con*: Anh chị có 01 người con chung tên Đặng Hoàng P, sinh ngày 28-02-2019, hiện cháu P đang sống cùng với chị. Chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng.

*Về tài sản chung*: Chị và anh S chung sống không có tài sản chung nên chị không yêu cầu giải quyết.

*Về nợ chung*: Anh chị không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại anh chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn anh Đặng Thanh S* đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nộp cho Tòa án.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án*:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Còn những người tham gia tố tụng, chị N đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh S; về con chung: Giao chị N tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục cháu Đặng Hoàng P, sinh ngày 28-02-2019, anh S không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Chị N không yêu cầu nên không giải quyết; về nợ chung: Chị N khai không có nên không giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Đặng Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và nguyên đơn chị Đỗ Thanh N có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Hôn nhân của chị Đỗ Thanh N và anh Đặng Thanh S là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo

chị N thì anh chị thường xuyên cải nhau về những chuyện nhỏ nhặt hằng ngày do anh chị chưa tìm hiểu kỹ trước khi tiến đến hôn nhân nên chưa hiểu rõ về tính tình của nhau và tình cảm chị N dành cho anh S không đủ lớn để có thể chấp nhận những khuyết điểm của anh S. Sau khi chị N sinh con, tình cảm giữa anh chị ngày càng giảm sút, mặc dù chị N đã cố gắng điều chỉnh bản thân để anh chị có thể hòa hợp, tiếp tục chung sống vì con cái nhưng không được. Ngày 21-4-2019, chị N dẫn con về nhà cha mẹ ruột ở nên anh chị sống ly thân cho đến nay. Từ khi chị N nộp đơn ly hôn đến nay, anh chị không gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Còn anh S, mặc dù đã được Tòa án triệu tập để thu thập chứng cứ, tham gia hòa giải và xét xử nhưng anh S vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N và cũng không thể hiện thiện chí để đoàn tụ.

[3] Qua xác minh ông Đặng Minh T1 là ông nội của anh S thể hiện: trong thời gian chị N và anh S sống ly thân, anh S có đến rước chị N về nhưng chị N không đồng ý quay về nên sau đó cả hai không gặp nhau. Từ các chứng cứ trên cho thấy, mâu thuẫn của anh chị trở nên trầm trọng, chị N cũng thừa nhận không còn tình cảm với anh S và anh S cũng không có thiện chí hàn gắn nên mục đích hôn nhân không còn đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nuôi con*: Anh chị có 01 người con chung là cháu Đặng Hoàng P, sinh ngày 28-02-2019, hiện đang sống cùng với chị N. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh Sang phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ ngày anh chị sống ly thân, cháu P sống chung với chị N được chị N chăm sóc, giáo dục. Hơn nữa, hiện nay cháu P chưa đủ 36 tháng tuổi và chị N có đủ điều kiện, khả năng để nuôi dạy cháu P thành niên nên cần giao chị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị N không yêu cầu anh Sang cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh chị không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[7] *Về án phí*: Chị N phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thanh N đối với anh Đặng Thanh S. Chị Đỗ Thanh N được ly hôn với anh Đặng Thanh S.

2. Về nuôi con: Giao cho chị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đặng Hoàng P, sinh ngày 28-02-2019. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh S có quyền và nghĩa vụ trông nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị Trang đã nộp theo biên lai thu số 0009120 ngày 06-5-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Ủy ban nhân dân xã B;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(đã ký)***

**TRẦN THỊ KIM CƯƠNG**